

Số: 24/CVSGT/2018

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2018.

(V/v: Giải trình chênh lệch số liệu kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán năm 2017)

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP HCM**

Căn cứ vào:

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (SGT) đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC) đã công bố ngày 29/03/2018
- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý 4 năm 2017 đã công bố ngày 30/01/2018 SGT xin giải trình các chênh lệch số liệu liên quan đến kết quả kinh doanh năm 2017 trước và sau kiểm toán như sau:

1. Giải trình số liệu kết quả kinh doanh tại báo cáo kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán chênh lệch từ 5% trở lên:

- Tại báo cáo kết quả kinh doanh riêng lẻ:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2017		Chênh lệch	Tăng giảm %	Ghi chú
	Số liệu báo cáo sau khi kiểm toán	Số liệu báo cáo trước khi kiểm toán			
	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	619,331,542,866	619,331,542,866	-		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	619,331,542,866	619,331,542,866	-		
4. Giá vốn hàng bán	401,808,136,485	326,898,970,867	74,909,165,618	22.9%	(1)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	217,523,406,381	292,432,571,999	(74,909,165,618)	-25.6%	(7)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	29,743,805,509	29,715,934,166	27,871,343	0.1%	
7. Chi phí tài chính	26,407,958,972	55,890,237,723	(29,482,278,751)	-52.8%	(2)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>32,634,120,473</i>	<i>32,750,460,334</i>	<i>(116,339,861)</i>	<i>-0.4%</i>	
8. Chi phí bán hàng	24,754,307,862	24,754,307,862	-		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	54,924,116,387	55,402,772,189	(478,655,802)	-0.9%	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	141,180,828,669	186,101,188,391	(44,920,359,722)	-24.1%	

BM01-QT06-HC / LSD: 01

11.	Thu nhập khác	1,995,723,854	1,995,723,854	-		
12.	Chi phí khác	7,469,610,727	5,605,635,822	1,863,974,905	33.3%	(3)
13.	Lợi nhuận khác	(5,473,886,873)	(3,609,911,968)	(1,863,974,905)	51.6%	(4)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	135,706,941,796	182,491,276,423	(46,784,334,627)	-25.6%	(8)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	26,476,824,133	6,601,338,072	19,875,486,061	301.1%	(5)
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(161,458,990)	33,908,166,508	(34,069,625,498)	-100.5%	(6)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	109,391,576,653	141,981,771,843	(32,590,195,190)	-23.0%	(9)

- (1) Hạch toán tăng thêm giá vốn đất tại chi nhánh Bắc Ninh do lỗi kỹ thuật của phần mềm kế toán khi thực hiện căn trừ các mã hàng tồn kho KCN.
- (2) Giảm chi phí tài chính do hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư cổ phiếu vào công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn Quy Nhơn và công ty CP Dịch Vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn theo quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC.
- (3) & (4) Tăng chi phí khác do điều chỉnh chi phí phạt thuế và các chi phí khác cho đúng bản chất.
- (5) & (6) Điều chỉnh trình bày chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tại chi nhánh Bắc Ninh cho đúng bản chất.
- (7),(8) &(9) Giảm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận kế toán trước và sau thuế thu nhập doanh nghiệp do ảnh hưởng của các nguyên nhân nêu trên.

- Tại báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2017		Chênh lệch	Tăng giảm %	Ghi chú
	Số liệu báo cáo sau khi kiểm toán	Số liệu báo cáo trước khi kiểm toán			
	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	815,803,566,246	816,372,280,633	(568,714,387)	-0.07%	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17,156,800,684	17,154,073,412	2,727,272	0.02%	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	798,646,765,562	799,218,207,221	(571,441,659)	-0.07%	
4. Giá vốn hàng bán	557,506,429,949	483,316,499,359	74,189,930,590	15.35%	(1)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	241,140,335,613	315,901,707,861	(74,761,372,248)	-23.67%	(2)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	30,154,061,845	30,408,494,996	(254,433,151)	-0.84%	
7. Chi phí tài chính	27,291,505,727	54,193,135,338	(26,901,629,611)	-49.64%	(3)
Trong đó: Chi phí lãi vay	33,755,803,179	33,841,468,431	(85,665,252)	-0.25%	

8.	Chi phí bán hàng	42,972,239,640	42,972,239,640	-	0.00%	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	64,102,414,298	64,581,070,100	(478,655,802)	-0.74%	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	136,928,237,793	184,563,757,779	(47,635,519,986)	-25.81%	(4)
11	Thu nhập khác	8,832,167,054	10,179,414,185	(1,347,247,131)	-13.24%	(5)
12	Chi phí khác	7,583,511,732	7,168,619,638	414,892,094	5.79%	
13	Lợi nhuận khác	1,248,655,322	3,010,794,547	(1,762,139,225)	-58.53%	(6)
14	Lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-		
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	138,176,893,115	187,574,552,326	(49,397,659,211)	-26.33%	(7)
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	26,986,539,252	7,013,114,252	19,973,425,000	284.80%	(8)
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(13,665,620)	33,908,166,508	(33,921,832,128)	-100.04%	(9)
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	111,204,019,484	146,653,271,566	(35,449,252,083)	-24.17%	(10)
19	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	111,204,019,484	146,653,271,566	(35,449,252,083)	-24.17%	(10)
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	-	-		
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,503	1,982	(479)	-24.17%	(11)
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1,503	1,982	(479)	-24.17%	(11)

(1) Hạch toán tăng thêm giá vốn đất tại chi nhánh Bắc Ninh do lỗi kỹ thuật của phần mềm kế toán khi thực hiện cản trừ các mã hàng tồn kho KCN.

(3) Giảm chi phí tài chính do hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư cổ phiếu vào công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn Quy Nhơn và công ty CP Dịch Vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn theo quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC.

(5) Giảm thu nhập khác do trong năm giảm việc thanh lý tài sản cố định so với cùng kỳ năm trước.

(8)& (9) Điều chỉnh trình bày chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tại chi nhánh Bắc Ninh cho đúng bản chất.

(2),(4),(6),(7) &(10) Giảm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận khác, lợi nhuận kế toán trước và sau thuế thu nhập doanh nghiệp do ảnh hưởng của các nguyên nhân nêu trên.

(11) Giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của các nguyên nhân nêu trên.

2. Giải trình lợi nhuận kế toán sau thuế tại báo cáo kết quả kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- **Tại báo cáo kết quả kinh doanh riêng lẻ:**

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Số liệu báo cáo sau khi kiểm toán		Chênh lệch	Tăng giảm %	Ghi chú
		Năm 2017	Năm 2016			
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)	
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	619,331,542,866	469,978,798,866	149,352,744,000	31.8%	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-		
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	619,331,542,866	469,978,798,866	149,352,744,000	31.8%	(1)
4.	Giá vốn hàng bán	401,808,136,485	247,486,171,553	154,321,964,932	62.4%	(2)
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	217,523,406,381	222,492,627,313	(4,969,220,932)	-2.2%	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	29,743,805,509	2,154,301,250	27,589,504,259	1280.7%	(3)
7.	Chi phí tài chính	26,407,958,972	77,558,635,496	(51,150,676,524)	-66.0%	(4)
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>32,634,120,473</i>	<i>63,743,920,187</i>	<i>(31,109,799,714)</i>	<i>-48.8%</i>	<i>(5)</i>
8.	Chi phí bán hàng	24,754,307,862	11,724,004,786	13,030,303,076	111.1%	(6)
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	54,924,116,387	57,503,872,065	(2,579,755,678)	-4.5%	
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	141,180,828,669	77,860,416,216	63,320,412,453	81.3%	(7)
11.	Thu nhập khác	1,995,723,854	3,883,277,064	(1,887,553,210)	-48.6%	(8)
12.	Chi phí khác	7,469,610,727	5,917,707,789	1,551,902,938	26.2%	(9)
13.	Lợi nhuận khác	(5,473,886,873)	(2,034,430,725)	(3,439,456,148)	169.1%	(10)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	135,706,941,796	75,825,985,491	59,880,956,305	79.0%	(11)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	26,476,824,133	28,190,472,108	(1,713,647,975)	-6.1%	
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(161,458,990)	(161,458,990)	-	0.0%	
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	109,391,576,653	47,796,972,373	61,594,604,280	128.9%	(12)

Trong năm 2017, công ty đẩy mạnh phát triển kinh doanh về chiều rộng lẫn chiều sâu trên các lĩnh vực như: mua bán thiết bị viễn thông, cung cấp dịch vụ hạ tầng viễn thông trong và ngoài nước, cho thuê văn phòng và nhà xưởng ... Chiến lược kinh doanh này đã tăng doanh thu thuần 31,8% và giá vốn hàng bán tăng 62,4% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ việc cho hoạt động kinh doanh tăng mạnh nên các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh này như chi phí bán hàng và chi phí khác cũng tăng tương ứng từ 26,2% đến 111,1% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu tài chính năm nay tăng đột biến so với cùng kỳ năm ngoái do SGT chuyển nhượng lại các cổ phần có tỷ suất sinh lời thấp để tập trung đầu tư vào các khoản đầu tư và kinh doanh khác có tỷ suất sinh lời cao hơn.

Với việc trả nợ tất toán các khoản vay và lãi vay đến hạn đã làm cho chi phí tài chính giảm 66% so với cùng kỳ năm trước. Chính những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay biến động tăng 128,9 % so với cùng kỳ năm trước.

Tại báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Số liệu báo cáo sau khi kiểm toán		Chênh lệch	Tăng giảm %	Ghi chú
		Năm 2017	Năm 2016			
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)	
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	815,803,566,246	720,067,677,504	95,735,888,742	13.30%	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	17,156,800,684	9,605,041,456	7,551,759,228	78.62%	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	798,646,765,562	710,462,636,048	88,184,129,514	12.41%	
4.	Giá vốn hàng bán	557,506,429,949	464,816,827,993	92,689,601,956	19.94%	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	241,140,335,613	245,645,808,055	(4,505,472,442)	-1.83%	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	30,154,061,845	2,787,090,278	27,366,971,567	981.92%	
7.	Chi phí tài chính	27,291,505,727	80,765,339,791	(53,473,834,064)	-66.21%	
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>33,755,803,179</i>	<i>66,670,961,034</i>	<i>(32,915,157,855)</i>	<i>-49.37%</i>	
8.	Chi phí bán hàng	42,972,239,640	21,799,862,455	21,172,377,185	97.12%	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	64,102,414,298	68,631,198,545	(4,528,784,247)	-6.60%	
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	136,928,237,793	77,236,497,542	59,691,740,251	77.28%	
11.	Thu nhập khác	8,832,167,054	8,154,742,996	677,424,058	8.31%	
12.	Chi phí khác	7,583,511,732	6,271,703,754	1,311,807,978	20.92%	
13.	Lợi nhuận khác	1,248,655,322	1,883,039,242	(634,383,920)	-33.69%	
14.	Lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-		
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	138,176,893,115	79,119,536,784	59,057,356,331	74.64%	
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	26,986,539,252	28,430,750,135	(1,444,210,883)	-5.08%	
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(13,665,620)	(309,252,360)	295,586,739	-95.58%	
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	111,204,019,484	50,998,039,009	60,205,980,475	118.06%	
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ				118.06%	

.		111,204,019,484	50,998,039,009	60,205,980,475		
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	-	-		
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,503	689	814	118.06%	
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1,503	689	814	118.06%	

Trong năm 2017, công ty SGT và hai công ty con đẩy mạnh phát triển kinh doanh về chiều sâu trên các lĩnh vực như: đẩy mạnh phát triển kinh doanh về chiều rộng lẫn chiều sâu trên các lĩnh vực như: phân phối thiết bị công nghệ, mua bán thiết bị viễn thông, cung cấp dịch vụ hạ tầng viễn thông trong và ngoài nước, cho thuê văn phòng và nhà xưởng Từ hoạt động kinh doanh này, công ty SGT và hai công ty con tăng lợi nhuận gộp lên 177.79% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ việc kinh doanh tăng mạnh nên các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh này như chi phí bán hàng và chi phí khác cũng tăng tương ứng từ 20,92% đến 97,12% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu hoạt động tài chính năm nay tăng 981,92% so với cùng kỳ năm trước phát sinh từ việc chuyển nhượng cổ phần.

Với việc trả nợ tất toán các khoản vay và lãi vay đến hạn đã làm cho chi phí tài chính giảm 66,21% so với cùng kỳ năm trước. Chính những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay biến động tăng 118,06 % so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng .

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Cẩm Phương



Phần xác nhận của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. HCM

Chúng tôi xác nhận các giải trình của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn là phù hợp.



Tổng Giám đốc

PHẠM VĂN VINH